

Số: /GP-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; Quyết định số 3278/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc đình chính Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt điều chỉnh dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Công ty TNHH 282;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH 282 khai thác khoáng sản tại mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, khu vực xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác: cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: lộ thiên.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: 4,66 ha.

b) Mức sâu khai thác: thấp nhất đến cost 63,53m.

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: 60.000 m³ cát vàng; phần trữ lượng còn lại của mỏ chưa được cấp phép được xem xét để gia hạn, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép giai đoạn tiếp theo theo quy định.

5. Công suất khai thác tối đa: 60.000 m³/năm (ở trạng thái tự nhiên), tương ứng 67.500 m³ nguyên khai/năm.

6. Thời hạn khai thác: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 (theo tiến độ thực hiện dự án).

7. Thời gian khai thác:

a) Trong ngày: từ 07 giờ đến 17 giờ.

b) Trong năm: Từ tháng 01 đến tháng 12.

Điều 2. Công ty TNHH 282 có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Toàn bộ sản phẩm khai thác chỉ được phép cung cấp cho dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, đoạn qua tỉnh Hà Giang; phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công dự án để thống nhất nhu cầu, kế hoạch và tiến độ cung cấp khoáng sản, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của dự án và tuân thủ quy định của pháp luật; dừng hoạt động khai thác và cung cấp khoáng sản ngay khi dự án đã được cung cấp đủ khối lượng vật liệu theo nhu cầu.

4. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 115 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

5. Trường hợp Công ty vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan hoặc không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại giấy phép được cấp, giấy phép sẽ bị thu hồi theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản; khi đó Công ty phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề liên quan, kể cả thiệt hại về kinh tế (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã Vị Xuyên, Tân Quang; Giám đốc Công ty TNHH 282 và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và MT (bản chính);
- Trung tâm phục vụ HC công (bản chính, để trả kết quả);
- Lưu: VT; KTN (Tuấn Anh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phụ lục 1:**RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: /GP-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000, Kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰ (tỉnh Hà Giang trước sáp nhập)		Hệ tọa độ VN - 2000, Kinh tuyến trực 106 ⁰ 00', múi chiều 3 ⁰ (tỉnh Tuyên Quang)	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	2.502.525	444.362	2.502.798,061	392.960,648
2	2.502.512	444.389	2.502.784,969	392.987,607
3	2.502.467	444.354	2.502.740,082	392.952,452
4	2.502.364	444.297	2.502.637,264	392.895,101
5	2.502.178	444.255	2.502.451,386	392.852,472
6	2.501.889	444.183	2.502.162,600	392.779,495
7	2.501.743	444.161	2.502.016,659	392.757,003
8	2.501.612	444.125	2.501.885,767	392.720,559
9	2.501.423	444.056	2.501.696,980	392.650,918
10	2.501.292	444.004	2.501.566,142	392.598,474
11	2.500.978	443.848	2.501.252,635	392.441,405
12	2.500.991	443.821	2.501.265,727	392.414,445
13	2.501.277	443.964	2.501.551,275	392.558,419
14	2.501.435	444.029	2.501.709,072	392.623,956
15	2.501.620	444.096	2.501.893,865	392.691,583
16	2.501.743	444.131	2.502.016,760	392.727,000
17	2.501.896	444.154	2.502.169,698	392.750,516
18	2.502.367	444.276	2.502.640,334	392.874,109
19	2.502.462	444.320	2.502.735,196	392.918,432
Diện tích: 4,66 ha				
Mức sâu khai thác: thấp nhất đến cost 63,53m.				